

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 101/2022/DS-ST

Ngày: 29- 9 – 2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chiêu Hùng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Triệu Lát

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia
phiên tòa:*** Bà Phạm Thị diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử
sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2022/TLST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2022
về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
96/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số
75/2022/QĐST-DS ngày 13/9/2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Đại H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường S, Thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ tạm trú: Khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Trần Diễm M, sinh năm
1996; Địa chỉ liên hệ: Khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Tấn C, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 20/4/2022 của nguyên đơn ông Trần Đại H (BL01), biên
bản lấy lời khai ngày 26/8/2022 (BL49) cũng như quá trình giải quyết vụ án người đại
theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Diễm M trình bày: Từ ngày 23/4/2019 đến
ngày 07/10/2019 ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh M có giao dịch mua bán thức*

ăn thủy sản mang hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản phục vụ cho việc nuôi tôm với ông Phạm Tấn C và bà Đỗ Thị N, thông qua hợp đồng mua bán bằng văn bản ngày 23/4/2019 (BL06-08). Hợp đồng có thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày 23/4/2019 đến ngày 23/4/2020.

Ông H với ông C và bà N thống nhất thỏa thuận ông H có nghĩa vụ cung cấp các mặt hàng thức ăn, thuốc và hóa chất phục vụ nuôi tôm mà ông H kinh doanh thông qua nhân viên Nguyễn Duy M (kỹ sư hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm cho ông C và bà N). Hàng hóa ông C và bà N đến lấy hoặc người nhà đến cửa hàng ông H lấy trực tiếp theo hóa đơn đặt hàng của ông C và bà N sau khi nhận hàng phải tiến hành kiểm tra đúng hàng hóa theo yêu cầu thì nhận hàng. Giá bán được niêm yết từng loại sản phẩm tại cửa hàng và thông báo trực tiếp đến ông C và bà N giá bán từng sản phẩm tại thời điểm đặt hàng. Mỗi bên sẽ xác nhận C nợ qua đối chiếu C nợ theo từng thời điểm. Phương thức thanh toán sẽ được ông C và bà N thanh toán dứt điểm tiền nợ sau khi thu hoạch tôm. Trường hợp nuôi tôm thất vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán. Nếu ông C và bà N không thanh toán tiền hàng như đã thỏa thuận thì ông H có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, tại thời điểm chấm dứt hợp đồng ông C và bà N phải thanh toán toàn bộ số tiền hàng đang nợ cho ông H.

Ngày 07/10/2019 ông C và bà N thu hoạch tôm và gửi trả ông H số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), số tiền còn nợ lại 88.294.000 đồng (tám mươi tám triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Phía ông H yêu cầu ông C và bà N thanh toán thêm tiền hàng nhưng ông bà vẫn không thực hiện. Trong quá trình giao dịch ông H thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, cung cấp đầy đủ các mặt hàng theo yêu cầu của ông C và bà N. Sau khi nhận hàng ông C và bà N cũng không phản ánh về chất lượng, số lượng, giá bán chủng loại nhưng đến hạn thanh toán lại không thực hiện được nghĩa vụ. Đến ngày 12/9/2022 ông Phạm Tấn C có thanh toán thêm cho ông H được 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tính đến ngày xét xử hôm nay ngày 29/9/2022 ông C và bà N còn nợ ông H số tiền 85.294.000 đồng (tám mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Tấn C và bà Đỗ Thị N cùng liên đới thanh toán cho ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh M số tiền là 85.294.000 đồng (tám mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng) không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/6/2022 (BL36-37) bị đơn ông Phạm Tấn C đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn ông Trần Đại H số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn nợ số tiền 88.294.000 đồng (tám mươi tám triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N, nhưng bà N không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu

khởi kiện của ông H, đồng thời bà N cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt hợp lệ hai lần để triệu tập ông C và bà N tham gia phiên tòa nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, đối với bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn còn nợ là 85.294.000 đồng (Tám mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng) cho nguyên đơn. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Tấn C và bà Đỗ Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Việc ông C và bà N vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà N.

[2] Về nội dung vụ án: Từ ngày 23/4/2019 đến ngày 07/10/2019 ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh M có giao dịch mua bán thức ăn thủy sản mang hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản phục vụ cho việc nuôi tôm với ông Phạm Tấn C và bà Đỗ Thị N, thông qua hợp đồng mua bán bằng văn bản ngày 23/4/2019. Hợp đồng có thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày 23/4/2019 đến ngày 23/4/2020. Ngày 07/10/2019 ông C và bà N thu hoạch tôm và gửi trả ông H số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), số tiền còn nợ lại 88.294.000 đồng (tám mươi tám triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Sau khi ngưng giao dịch mua bán thì hai bên có chốt lại nợ và bà Đỗ Thị N có ký xác nhận C nợ là còn nợ ông H số tiền 88.294.000 đồng (tám mươi tám triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng) (BL02) và tại phiên hòa giải ngày 08/6/2022 ông Phạm Tấn C cũng thừa nhận là còn nợ ông H số tiền 88.294.000 đồng (tám mươi tám triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng), đến ngày 12/9/2022 bị đơn ông Phạm Tấn C có thanh toán cho ông Trần Đại H thêm số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), hiện nay ông C và bà N còn

nợ ông H số tiền 85.294.000 đồng (tám mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng), tình tiết nêu trên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Phạm Tấn C và bà Đỗ Thị N phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H đối với các bị đơn ông Phạm Tấn C và bà Đỗ Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc các bị đơn ông Phạm Tấn C và bà Đỗ Thị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Trần Đại H số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ với số tiền 85.294.000 đồng (tám mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng),

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Phạm Tấn C và bà Đỗ Thị N phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Phạm Tấn C và bà Đỗ Thị N phải liên đới chịu án phí là 4.264.700 đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.207.350 đồng (hai triệu hai trăm lẻ bảy nghìn ba trăm năm mươi

đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004258 ngày 18/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Chiêu Hùng